

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 196 /TB-SYT

Hải Phòng, ngày 09 tháng 10 năm 2018

THÔNG BÁO
Kết quả xét tuyển viên chức TTYT huyện Thủy Nguyên năm 2018

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định 1324/2016/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định một số nội dung về tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố;

Sở Y tế Hải Phòng thông báo kết quả xét tuyển viên chức tại TTYT huyện Thủy Nguyên năm 2018 như sau:

1. Về kết quả điểm xét tuyển: 40 người

(Có danh sách kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm nhận đơn phúc khảo kết quả xét tuyển

Nếu có thắc mắc về điểm số xét tuyển của mình các thí sinh gửi đơn phúc khảo về Ủy viên thư ký Hội đồng tuyển dụng, thời gian từ 7 giờ 30 phút ngày 09/10/2018 đến 17 giờ ngày 22/10/2018 .

Vậy Sở Y tế Hải Phòng xin thông báo tới tất cả các thí sinh được biết./

Nơi nhận:

- VP (đăng công TT);
- TTYT TN (Niêm yết tại bảng tin);
- Lưu VT, TCCB (3).


Phạm Thu Xanh

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2018

Kèm theo Thông báo số: 196 ngày 09/10/2018 của Sở Y tế

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm trung bình kiểm tra sát hạch (hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ						
Vị trí Y tế dự phòng đối với Đại học điều dưỡng									
1	Đỗ Thị Hòa		17/11/1983	Đại học điều dưỡng	75.30	83.20	78.00	324.90	
Vị trí Y tế dự phòng đối với Điều dưỡng trung học									
1	Vũ Hữu Hùng	22/11/1988		Điều dưỡng trung học	61.90	83.30	74.00	311.80	
2	Vũ Thị Phượng		7/7/1992	Điều dưỡng trung học	69.20	73.30	77.50	289.10	
3	Hoàng Thị Sim		1/6/1986	Điều dưỡng trung học	68.40	80.00	77.50	308.40	
Vị trí Y tế dự phòng đối với Cao đẳng điều dưỡng									
1	Nguyễn Thị Mai		01/12/1993	Cao đẳng điều dưỡng	67.80	83.30	75.50	317.70	
2	Vũ Thị Thu Phương		21/3/1991	Cao đẳng điều dưỡng	76.70	73.30	83.00	296.60	
3	Đỗ Thị Phương		23/12/1995	Cao đẳng điều dưỡng	81.20	76.70	91.00	311.30	
4	Nguyễn Thị Thảo		2/2/1995	Cao đẳng điều dưỡng	74.20	81.70	72.00	319.30	
Vị trí Y tế dự phòng đối với Y sĩ đa khoa									
1	Nguyễn Đức Anh	04/11/1994		Y sĩ đa khoa	68.97	81.67	94.00	313.98	
2	Nguyễn Đăng Cường	14/10/1988		Y sĩ đa khoa	75.90	86.67	93.50	335.91	



3	Đinh Thành Đạt	22/12/1991		Y sỹ đa khoa	65.92	75.00	89.50	290.92	
4	Hoàng Ngọc Huy	7/2/1990		Y sỹ đa khoa	74.86	88.33	82.50	339.85	
5	Lê Thị Hoa Mai		5/8/1991	Y sỹ đa khoa	68.50	83.33	90.50	318.49	
6	Nguyễn Thị Bích Ngọc		9/1/1990	Y sỹ đa khoa	72.34	86.67	90.50	332.35	
7	Ngô Thị Tuyên		6/6/1982	Y sỹ đa khoa	68.90	81.67	89.00	313.91	
8	Phạm Thanh Tuấn	7/11/1992		Y sỹ đa khoa	70.18	70.00	88.00	280.18	
9	Phạm Thị Út		28/11/1990	Y sỹ đa khoa	73.53	75.00	89.50	298.53	

Vị trí Khám chữa bệnh đối với Y sỹ đa khoa

1	Bùi Việt Anh	18/11/1994		Y sỹ đa khoa	70.38	70.00	74.50	280.38	
2	Đồng Thị Hiền Dịu		12/11/1991	Y sỹ đa khoa	71.59	72.33	86.00	288.58	
3	Phạm Văn Dũng	4/6/1991		Y sỹ đa khoa	67.39	85.00	84.50	322.39	
4	Chu Thùy Dương		24/11/1994	Y sỹ đa khoa	64.72	81.67	84.00	309.73	
5	Đỗ Đăng Đoàn	20/10/1989		Y sỹ đa khoa	60.53	65.00	92.50	255.53	
6	Đàm Thị Hường		13/6/1992	Y sỹ đa khoa	71.82	88.33	92.50	336.81	
7	Bùi Khánh Hoàn	12/2/1990		Y sỹ đa khoa	69.76	73.33	90.00	289.75	
8	Bùi Thị Lê		20/2/1986	Y sỹ đa khoa	62.23	61.83	71.00	247.72	
9	Phạm Thị Kim Lương		5/1/1983	Y sỹ đa khoa	72.68	75.00	73.00	297.68	
10	Bùi Dương Ngọc	02/10/1991		Y sỹ đa khoa	70.59	81.67	78.50	315.60	
11	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		21/7/1983	Y sỹ đa khoa	72.88	78.33	90.50	307.87	
12	Bùi Mạnh Nhật	18/8/1991		Y sỹ đa khoa	68.00	63.30	72.50	257.90	
13	Phạm Thị Ngọc		20/5/1994	Y sỹ đa khoa	62.70	81.70	74.00	307.80	

14	Đinh Khắc Tú	16/10/1991		Y sỹ đa khoa	70.50	78.30	94.00	305.40	
15	Mạc Tiến Trung	02/4/1989		Y sỹ đa khoa	67.90	80.00	93.50	307.90	

Vị trí Truyền thông giáo dục sức khỏe đối với Y sỹ đa khoa và điều dưỡng

1	Hoàng Thị Hạnh		30/10/1990	Y sỹ đa khoa	73.00	75.00	93.50	298.00	
2	Đỗ Thị Miên		3/7/1982	Điều dưỡng trung học	66.00	73.33	87.00	285.99	

Vị trí Y tế công cộng đối với Y sỹ đa khoa

2	Nguyễn Thị Hương Giang		4/11/1995	Y sỹ đa khoa	66.00	85.00	96.00	321.00	
1	Nguyễn Thị Thu Hà		22/2/1993	Y sỹ đa khoa	73.80	90.00	95.00	343.80	

Vị trí Chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với Nữ hộ sinh trung học

1	Nguyễn Thị Chung		20/12/1984	Hộ sinh trung học	70.48	91.67	98.00	345.49	
2	Phạm Thị Thu Hiền		24/4/1985	Hộ sinh trung học	68.60	85.00	98.00	323.60	
3	Vũ Thị Hương		18/9/1987	Hộ sinh trung học	70.80	81.70	98.25	315.90	
4	Phạm Thị Oanh		5/12/1985	Hộ sinh trung học	70.30	80.00	95.50	310.30	

